

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 2 Năm 2012

ĐVT: Việt Nam đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.14	137.196.878.952	83.985.664.383	242.395.394.001	133.896.603.983
2. Các khoản giảm doanh thu	02	V.15	25.711.992.482	11.622.846.166	47.560.534.963	17.090.060.035
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01- 02)	10	V.16	111.484.886.470	72.362.818.217	194.834.859.038	116.806.543.948
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.17	52.530.783.212	44.593.392.454	98.934.606.241	83.554.938.096
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 -11)	20		58.954.103.258	27.769.425.763	95.900.252.797	33.251.605.852
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.18	1.945.243.048	7.882.461.884	2.651.832.663	14.081.299.602
7. Chi phí tài chính	22	VI.19	-	12.262.289	10.926.614	12.262.289
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
8. Chi phí bán hàng	24		9.528.621.208	7.496.622.031	15.760.523.863	9.704.458.824
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		10.628.898.872	2.280.969.414	12.370.297.450	3.726.902.556
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21-22) - (24+25))	30		40.741.826.226	25.862.033.913	70.410.337.533	33.889.281.785
11. Thu nhập khác	31		276.450.000	14.609.140	276.450.000	14.609.140
12. Chi phí khác	32		65.280.000	-	65.280.000	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		211.170.000	14.609.140	211.170.000	14.609.140
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		40.952.996.226	25.876.643.053	70.621.507.533	33.903.890.925
15. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		10.227.553.423	4.886.576.313	16.887.335.163	6.469.920.281
16. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 -51-52)	60	V.23	30.725.442.803	20.990.066.740	53.734.172.370	27.433.970.644
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		2.697	2.541	5.468	3.321

LẬP BIỂU

Huỳnh Ngọc Bích

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lê Anh Vũ

Lập, ngày 10 tháng 07 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC



TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngô Văn Công